

Bản án số: 190/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 20/12/2024

V/v: Tranh chấp Ly hôn, nuôi con chung

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ**

*- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trương Thị Anh;

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Mai Hoa;

Bà Nguyễn Thị Hương.

*- Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Bà Trịnh Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

*- Đại diện VKSND tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn N - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 12 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 164/2024/HNGĐST ngày 01/10/2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 159/2024/QĐ-ST ngày 14/11/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 142/2024/QĐ-ST ngày 02/12/2024 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn: Chị Quách Thị D, sinh năm 1995**

Địa chỉ: Thôn N, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

(Có đơn xin xét xử vắng mặt)

**Bị đơn: Anh Bùi Văn K, sinh năm 1994**

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn N, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi ở hiện nay: Đài Loan. (Vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn là chị Quách Thị D trình bày:*

Về hôn nhân: Chị và anh Bùi Văn K kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 30/3/2015 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau về quan điểm và lối sống. Đến tháng 10/2020 anh K đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan và có mối quan hệ tình cảm với người khác nên không quan tâm đến chị và các con. Vợ chồng sống ly thân, không liên lạc với nhau. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, mâu thuẫn hôn nhân đã trầm trọng không thể tiếp tục kéo dài

được nữa, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Bùi Văn K.

Về con chung: Chị Quách Thị D và anh Bùi Văn K có 02 con chung là cháu Bùi Gia K1, sinh ngày 05/11/2013 và cháu Bùi Nữ Như K2, sinh ngày 22/02/2016. Hiện nay hai cháu đang sinh sống cùng chị. Nguyên vọng của chị D khi ly hôn được trực tiếp nuôi dưỡng hai con, không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ chung: Chị Quách Thị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị D trình bày không biết địa chỉ cụ thể tại Đài Loan của anh Bùi Văn K nên không thể cung cấp cho Tòa án. Chị cho biết anh K vẫn thường xuyên liên lạc với bố mẹ đẻ là ông Bùi Văn T và bà Lê Thị H, trú tại Thôn N, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Đề nghị Tòa án tiến hành thu thập thêm thông tin từ bố mẹ đẻ của anh K.

*Tại Biên bản làm việc ngày 08/11/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa, bố mẹ đẻ của anh K là ông Bùi Văn T và bà Lê Thị H trình bày:*

Vợ chồng ông bà sinh được 03 người con, anh K là con thứ ba trong gia đình. Anh K và chị D có đăng ký kết hôn ngày 30/3/2015 tại UBND xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn, anh K và chị D sinh sống cùng ông bà. Đến tháng 10/2022 anh K đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Trước khi anh K đi Đài Loan, giữa hai anh chị không có mâu thuẫn gì. Từ khi anh K đi nước ngoài, vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn như thế nào thì ông bà không rõ. Hiện nay chị D khởi kiện xin ly hôn, ông bà không có ý kiến gì vì đó là việc riêng của anh chị.

Quá trình sinh sống tại Đài Loan, anh K vẫn thường xuyên liên lạc về với gia đình, tuy nhiên ông bà không biết địa chỉ cụ thể của anh K. Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa đã tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án cùng các văn bản tố tụng của Tòa án cho ông Bùi Văn T. Ông T đã ký nhận toàn bộ các văn bản và cam đoan sẽ thông báo cho anh K qua điện thoại.

*Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tại phiên tòa:*

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Quách Thị D; Về con chung: Giao cháu Bùi Gia K1 và cháu Bùi Nữ Như K2 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi. Anh K không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị D.

Về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên không giải quyết.

Về án phí: Chị Quách Thị D phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền của Tòa án:

Nguyên đơn chị Quách Thị D và bị đơn anh Bùi Văn K cùng đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Anh Bùi Văn K hiện nay đang sinh sống tại Đài Loan. Do trong vụ án có bị đơn có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Thanh Hóa, hiện đang cư trú ở nước ngoài, căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

Trong quá trình xem xét thụ lý vụ án, Cục Q - Bộ C có văn bản số 21154/QLXNC-P3 ngày 13/9/2024 trả lời Công văn số 126/CV-TA ngày 05/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa, với nội dung: Theo dữ liệu quản lý: Trường hợp anh Bùi Văn K, sinh ngày 20/5/1994 đã xuất nhập cảnh 03 lần, lần cuối xuất cảnh ngày 01/5/2023 qua cửa khẩu N1 bằng hộ chiếu số P00467717, hiện chưa có thông tin nhập cảnh.

[1.2]. Về việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn:

Về địa chỉ cụ thể của anh K tại Đài Loan, chị D không cung cấp được. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai Thông báo Thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng tại địa phương nơi cư trú cuối cùng của anh K là xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; đồng thời tiến hành lấy lời khai của bố mẹ đẻ anh K là ông Bùi Văn T và bà Lê Thị H để làm rõ mối quan hệ hôn nhân giữa anh K và chị D. Ông T và bà H cho biết anh K vẫn liên lạc với gia đình thường xuyên, nhưng không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh K tại Đài Loan, do đó Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vắng mặt bị đơn (theo hướng dẫn tại Điều 10 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao).

[1.3]. Về sự vắng mặt của đương sự:

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Quách Thị D có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Bùi Văn K đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ và niêm yết văn bản tố tụng hai lần nhưng vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Quách Thị D và anh Bùi Văn K kết hôn trên cơ sở tự nguyện; có đăng ký kết hôn ngày 30/3/2015 tại UBND xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa là hôn nhân hợp pháp.

Trong lời khai và các tài liệu gửi đến Tòa án, chị D trình bày sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Tháng 10/2022 anh K đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan và có quan hệ tình cảm với người khác, vợ chồng không liên lạc và không quan tâm đến nhau.

Theo quy định của pháp luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chung xây cuộc sống, hạnh phúc gia đình, nhưng hiện nay anh K đã đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, không liên lạc với chị D, vợ chồng không có điều kiện gần gũi và không còn tình cảm, trách nhiệm với nhau.

Xét mâu thuẫn hai bên đã trầm trọng, tình cảm không còn, cuộc sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận cho chị D được ly hôn anh K.

[2.2]. Về con chung: Chị Quách Thị D và anh Bùi Văn K có 02 con chung là cháu Bùi Gia K1, sinh ngày 05/11/2013 và cháu Bùi Nữ Như K2, sinh ngày 22/02/2016. Hiện nay anh K đang sinh sống ở nước ngoài, không có điều kiện chăm sóc con cái. Xét thấy việc giao con cho chị D nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp, cháu K1 và cháu K2 cũng có nguyện vọng xin được ở với mẹ nên chấp nhận yêu cầu này của chị D.

Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Chị D không yêu cầu nên anh K không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3]. Về tài sản, công nợ chung: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét. Anh K không có văn bản thể hiện quan điểm giải quyết về tài sản chung, công nợ chung nên sau này nếu anh K yêu cầu thì có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

[3]. Về án phí: Chị D là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4]. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; Điều 37; khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; 56; 58; 81; 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

**Xử:**

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Quách Thị D.

- Về hôn nhân: Cho chị Quách Thị D được ly hôn anh Bùi Văn K.

- Về con chung: Công nhận chị Quách Thị D và anh Bùi Văn K là cháu Bùi Gia K1, sinh ngày 05/11/2013 và cháu Bùi Nữ Như K2, sinh ngày 22/02/2016. Giao cháu Bùi Gia K1 và cháu Bùi Nữ Như K2 cho chị D trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Anh K không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh K có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu, Tòa án không giải quyết.

2. Về án phí: Chị Quách Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0000527 ngày 30/9/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa. Chị D đã nộp đủ tiền án phí.

3. Quyền kháng cáo: Chị Quách Thị D vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật. Anh Bùi Văn K vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Thanh Hoá;
- Cục THADS tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã Hà Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trương Thị Anh**